

Góp phần nhận thức rõ thêm tư tưởng Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

PGS, TS. LƯƠNG KHẮC HIẾU

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Email: luongkhachieu@yahoo.com

PGS, TS. PHẠM VĂN CHÚC

Hội đồng lý luận Trung ương

Nhận ngày 06 tháng 12 năm 2023; chấp nhận đăng tháng 01 năm 2024.

Tóm tắt: C.Mác phân biệt rõ ràng chủ nghĩa xã hội (CNXH) - tức là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản (CNCS), với thời kỳ quá độ (TKQĐ) từ chủ nghĩa tư bản (CNTB) lên CNCS. Tư tưởng này của ông về sau được V.I.Lê-nin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức, thể hiện đúng đắn. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn có những cách hiểu khác về tư tưởng đó của C.Mác. Liên Xô trước đây coi đất nước thực tế mới chỉ ở TKQĐ, đã bước vào CNXH. Đây là một trong những nguyên nhân về nhận thức lý luận dẫn đến sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN). Qua hơn 35 năm Đổi mới, đường lối của Đảng ta thực hiện thời kỳ quá độ gián tiếp lên CNXH ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ, hoàn thiện và đạt nhiều thành tựu to lớn trong thực tiễn.

Từ khóa: thời kỳ quá độ, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Abstract: Karl Marx clearly distinguished socialism - the first stage of communism- from the period of transition from capitalism to socialism. This idea was correctly acknowledged by V.I. Lenin, Ho Chi Minh, and the Communist Party of Vietnam. However, there are still differing interpretations of Marx's ideology. The former Soviet Union considered the country had already entered the socialism while it was actually in the transition period, which was one of the reasons for the theoretical perception leading to the collapse of the socialist system. After more than 35 years of renovation, the Party's path of indirectly implementing the transition period to socialism in Vietnam has become increasingly clear, perfected, and achieved significant success in practice.

Keywords: period of transition, socialism, communism.

Vấn đề định vị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Như chúng ta đều biết, trong tác phẩm nổi tiếng □Phê phán Cương lĩnh Gô-ta□(1875), C.Mác đã đề cập đến hai giai đoạn là □giai đoạn đầu□ □giai đoạn cao□ của xã hội CSCN và □một thời kỳ quá độ chính trị từ xã hội TBCN lên xã hội CSCN□ Thời kỳ này lâu nay thường được viết gọn, nhưng không thật chính xác, là □thời kỳ quá độ□ Cho đến nay vẫn có những nhận thức, quan niệm khác nhau

về TKQĐ. Đặc biệt là các ý kiến còn rất phân tán, khi đi vào việc định vị (xác định vị trí, trật tự trước sau về thời gian lịch sử) thời kỳ này trong quá trình tiến triển của xã hội từ CNTB lên CNCS.

Khi nói đến mục tiêu CNXH một cách thực tế và khoa học, thì phải đề cập tới TKQĐ lên CNXH, tức là con đường thực tiễn đi đến mục tiêu đó. Trong điều kiện cụ thể của các nước Liên Xô và Đông Âu trước đây, Trung Quốc hiện nay đều xuất phát từ nền kinh tế kém xa CNTB phương Tây, thì

con đường này thực chất là TKQĐ gián tiếp lên CNXH. Do chưa hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nên TKQĐ ở nước ta cũng là gián tiếp, nhưng ở trình độ còn thấp hơn. Đây chính là khung khổ chung định vị toàn bộ hệ thống các vấn đề của lý luận CNXH khoa học, cũng như của thực tiễn xây dựng xã hội XHCN ở nước ta. Tách khỏi điều kiện khách quan, cơ bản, tổng quát và rất quan trọng này, thì dễ sa vào các loại CNXH không tưởng, hay CNXH phong kiến, tiểu tư sản, tư sản phản động; hoặc chủ nghĩa kinh nghiệm, thực dụng; hoặc quỹ đạo TBCN phản phát triển, lệ thuộc phương Tây.

Như vậy, ở đây đặt ra yêu cầu lĩnh hội đầy đủ, sâu sắc, vững vàng thêm những nội dung cơ bản quan trọng trong lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về TKQĐ lên CNXH. Trên cơ sở đó, thống nhất nhận thức, quan niệm về vấn đề này, tiếp tục vận dụng, bổ sung, phát triển nội dung của nó một cách đúng đắn, thiết thực, hiệu quả trong công cuộc Đổi mới theo định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.

Hai giai đoạn của xã hội cộng sản chủ nghĩa

Ở mục I tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gô-ta*, C.Mác viết: xã hội CSCN *đưa trên chế độ công hữu về TLSX*, *sở hữu tập thể của bản thân những người lao động*, do đó *ngoài những vật phẩm tiêu dùng cá nhân ra thì không còn cái gì khác có thể trở thành sở hữu của cá nhân được*⁽¹⁾. Điều này có nghĩa là, CNCS nói chung, kể cả *giai đoạn đầu* của nó, chỉ có công hữu, không còn tư hữu. Về sau, V.I.Lê-nin trong *Nhà nước và cách mạng* (8-9/1917), Hồ Chí Minh trong *Thường thức chính trị* (1953) đều nhấn mạnh điều này.

Về *giai đoạn đầu* của CNCS, C.Mác cho rằng đó là *một xã hội CSCN vừa thoát thai từ xã hội TBCN* còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lõng ra⁽²⁾. Sau này khi nghiên cứu kỹ tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gô-ta*, V.I.Lê-nin đã phân tích rõ: theo tư tưởng của C.Mác, *những dấu vết* của CNTB trong *giai đoạn đầu* là *pháp quyền (nửa tư sản)*, và cùng với nó là *nhà nước (nửa tư sản)*. Trong khi đó ở TKQĐ, bên cạnh pháp quyền và nhà nước

XHCN, trên thực tế vẫn còn tồn tại lâu dài, đan xen những nhân tố pháp quyền và chính trị cũ phi chính thống, phi chính thức.

V.I.Lê-nin, Hồ Chí Minh trong các tác phẩm trên của mình cũng chỉ ra rằng, khi nêu lên đặc điểm này (*những dấu vết* của CNTB), chính là C.Mác đề cập đến CNXH (*giai đoạn đầu* của CNCS), chứ không phải TKQĐ. Tuy nhiên, từ trước đến nay nhiều người đã không hiểu đúng tư tưởng này của C.Mác, V.I.Lê-nin, Hồ Chí Minh, mà lầm tưởng rằng xã hội mang *những dấu vết* ấy là TKQĐ, từ đó đồng nhất *giai đoạn đầu* và TKQĐ với nhau.

Trong tư tưởng của C.Mác, *những dấu vết* của CNTB trong CNXH không phải là những nhân tố TBCN như trong TKQĐ. Những nhân tố đó cùng tồn tại đan xen, tác động mạnh, đấu tranh gay gắt với những nhân tố XHCN (thậm chí có thể xóa bỏ chế độ XHCN như ở Liên Xô và Đông Âu hơn 30 năm trước đây). Chính vì thế, theo ông trong TKQĐ cần phải có chuyên chính vô sản để trấn áp chúng, bảo vệ những nhân tố XHCN.

Trong TKQĐ, ngoài nhà nước chuyên chính vô sản chính thức hiện diện, xã hội đang ở trong trạng thái *những cơn đau đẻ dài*. Kết thúc *những cơn đau đẻ dài*, cái được *thoát thai*, *lột lõng* ra chính là CNXH. Còn quá trình mà một cuộc cách mạng vô sản thắng lợi đầu tiên mở ra, thì chỉ là *thời kỳ cải biến cách mạng*, tức là bản thân TKQĐ.

Trong *giai đoạn đầu* đã xóa bỏ giai cấp tư sản, chế độ tư hữu, bóc lột, xác lập công hữu. Đối với *những vật phẩm tiêu dùng cá nhân*, do sản xuất phát triển chưa thật cao, nên thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Đây chính là *dấu vết* về *giới hạn chật hẹp của quyền tư sản*⁽³⁾, như V.I.Lê-nin sau này chỉ rõ, về *nhà nước và pháp quyền (nửa tư sản)*.

Về *giai đoạn cao* của CNCS, C.Mác xem đó là *một xã hội CSCN đã phát triển* trên những cơ sở của chính nó. Ở đây điều được chính ông nhấn mạnh (chữ in nghiêng) là *đã phát triển*, chứ không phải là *những cơ sở*. Tức là *giai đoạn cao* là *giai đoạn phát triển*, còn *giai đoạn đầu* là *giai đoạn đang trưởng thành lên, chưa phát triển*.

của CNCS. Nhưng cả hai giai đoạn này đều đã cùng dựa trên "những cơ sở" chung của CNCS, mà quan trọng trực tiếp là công hữu. Chưa có cơ sở này, thì chỉ là TKQĐ bao gồm cả tư hữu lẫn công hữu đan xen nhau.

Trong "giai đoạn cao" không còn "sự phụ thuộc có tính chất nô dịch" vào sự phân công lao động, đã thực hiện "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu"⁽⁴⁾. Tức là hai giai đoạn chỉ khác nhau về trình độ sản xuất, nên cũng khác nhau về phân phối sản phẩm tiêu dùng. Nhưng chúng đều đã có công hữu hoàn toàn, xóa bỏ hẳn tư hữu.

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Thời kỳ quá độ trực tiếp

Trong mục cuối thứ IV của "Phê phán Cương lĩnh Gô-ta", khi "bàn đến phần nói về dân chủ" C.Mác nói tới "một thời kỳ quá độ chính trị" từ CNTB lên CNCS, ở giữa CNTB và CNCS⁽⁵⁾. Vấn đề này tách biệt với vấn đề hai giai đoạn của CNCS ở mục I. Trong tất cả các mục, đều không có hàm ý nào cho rằng TKQĐ với "giai đoạn đầu" đồng nhất, trùng hoàn toàn hoặc một phần với nhau.

C.Mác sử dụng các thuật ngữ "thời kỳ" (periode), "giai đoạn" (phase) chính là để phân biệt hai quá trình khác nhau này. Trong nhiều tác phẩm khác ông cũng viết "giai đoạn quá độ". Nhưng ở đây ông nhất quán viết "thời kỳ quá độ chính trị", "giai đoạn đầu", "giai đoạn cao". Ông sử dụng các thuật ngữ với nội hàm phản ánh chính xác những thực tế lịch sử nhất định tương ứng. "Thời kỳ" cho thấy quá độ chính trị không phải chỉ là một cuộc cách mạng hay chính biến, mà là cả một quá trình cách mạng chính trị - cách mạng xã hội lâu dài.

Mặt khác, "thời kỳ" được dùng chủ yếu để chỉ một quá trình vận động thực tiễn - xã hội có tính độc lập tương đối nhất định đối với các quá trình khác. Trong khi đó, các "giai đoạn" biểu hiện những khoảng thời gian kế tiếp nhau trong cùng một quá trình chung. Các giai đoạn có nhiều điểm tương đồng, mang cùng một bản chất của cả quá trình. Do vậy trong tư tưởng của C.Mác, TKQĐ không phải là "giai đoạn đầu" của CNCS.

C.Mác không gọi chỉ riêng "giai đoạn cao" là

CNCS, còn "giai đoạn đầu" bằng tên khác không phải là CNCS, mà đều gọi chúng là các giai đoạn của CNCS, cùng thuộc về xã hội này. Khi ông viết CNCS, thì có nghĩa là CNCS nói chung, hoặc mỗi giai đoạn của nó nói riêng nhưng đều thuộc CNCS. Và khi ông viết TKQĐ lên CNCS, thì có nghĩa là lên CNCS nói chung, mà cụ thể và đương nhiên là lên "giai đoạn đầu" nói riêng, chứ không phải là lên "giai đoạn cao". Lên CNCS không phải là bỏ qua "giai đoạn đầu" mà "nhảy cóc" lên "giai đoạn cao", để từ đó suy luận TKQĐ với "giai đoạn đầu" là một. Nếu có hàm ý này, thì C.Mác với tư duy lô gíc vô cùng sắc sảo và sáng tỏ của mình, chắc chắn đã có sự luận giải rõ ràng, kỹ lưỡng và chặt chẽ cho một vấn đề hết sức phức tạp, hệ trọng và đặc biệt như vậy.

Có thể coi "giai đoạn đầu" về mặt nào đó cũng có tính chất "quá độ". Nhưng "quá độ" này không phải là từ CNTB lên CNCS, với tính cách hai hình thái kinh tế - xã hội có bản chất vĩ mô khác nhau. Từ điểm đầu tiên của "giai đoạn đầu" đến điểm đầu tiên của "giai đoạn cao" chỉ là quá độ từ trình độ, chất lượng ban đầu còn thấp, mới ra đời lên trình độ, chất lượng cao hơn đã trưởng thành và bắt đầu phát triển. Xã hội trong quá trình chuyển biến đó mang cùng một bản chất chung của hình thái kinh tế - xã hội CNCS.

C.Mác viết hoàn toàn rõ ràng rằng, TKQĐ ở giữa CNTB và CNCS, có nghĩa là ở giữa CNTB và "giai đoạn đầu" của CNCS. Theo đó, TKQĐ không trùng một phần hay toàn bộ với giai đoạn cuối của CNTB, cũng không trùng như thế với "giai đoạn đầu" của CNCS, và không trùng như vậy đồng thời với cả hai giai đoạn này.

Có ý kiến cho rằng, có "TKQĐ dài" từ CNTB lên "giai đoạn cao" của CNCS (và do đó, "TKQĐ dài" này cũng chính là toàn bộ "giai đoạn đầu"), và cũng có "TKQĐ ngắn" từ CNTB lên CNXH là một phần đầu của "TKQĐ dài". Ý kiến này không phải là tư tưởng của C.Mác, V.I.Lê-nin. Bởi vì, khi hai kiểu TKQĐ này trùng hoàn toàn hoặc một phần với "giai đoạn đầu", thì chúng đều không còn "bản chất quá độ" nữa, mà đã mang "bản chất CSCN" nói chung (mà một nội dung cụ thể, trực

tiếp và quan trọng hàng đầu là công hữu). Cũng tức là, chúng không còn là TKQĐ, dù là kiểu dài hay ngắn.

C.Mác viết: “Giai đoạn đầu” của CNCS được “thoát thai”, “lột lòng” khỏi CNTB sau “những cơn đau đẻ dài” (tức “thời kỳ cải biến cách mạng” hay TKQĐ). Có nghĩa là cuộc cách mạng vô sản thắng lợi đầu tiên khởi đầu cho chính TKQĐ, chứ không phải cho “giai đoạn đầu”. Chỉ tới khi toàn bộ TKQĐ kết thúc, thì mới mở ra “giai đoạn đầu”. Còn ngay khi TKQĐ vẫn đang diễn ra, tức là lúc CNTB vẫn còn “thai nghén”, “đau đẻ”, thì chưa thể “lột lòng”, “thoát thai” ra “giai đoạn đầu” được.

C.Mác viết: Muốn “tạo ra những điều kiện sản xuất tập thể”, thì phải “lật đổ những điều kiện sản xuất hiện nay”, không thể dựa vào chính phủ của bọn tư sản⁽⁶⁾. Có nghĩa là sau cách mạng vô sản, thì đến một thời kỳ mà trong đó chưa có công hữu hoàn toàn như ở “giai đoạn đầu” của CNCS, và công nhân phải có nhà nước riêng của chính mình (tức là chuyên chính vô sản). Thời kỳ đó chính là TKQĐ, và nó được phân biệt rõ ràng với “giai đoạn đầu”, khi đã có công hữu hoàn toàn và cũng không còn nhà nước như một tổ chức chính trị.

C.Mác viết: bản Cương lĩnh Gô-ta đã “không đã động gì đến vấn đề chuyên chính vô sản, cũng chẳng nói gì đến chế độ nhà nước tương lai trong xã hội CSCN”⁽⁷⁾. Có nghĩa là TKQĐ với chuyên chính vô sản không phải là CNCS bao gồm cả “hai giai đoạn” của nó. Về vấn đề này C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lê-nin đã giải thích cụ thể, sáng tỏ: trong TKQĐ, chuyên chính vô sản được thiết lập để xóa bỏ tư sản, tư hữu, bóc lột. Nhưng trong “giai đoạn đầu” (CNXH), thì nhà nước chỉ cần “để vừa bảo vệ chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, vừa bảo vệ bình đẳng về lao động và bình đẳng trong việc phân chia các sản phẩm”⁽⁸⁾, “quyền lực công cộng”⁽⁹⁾ và “những chức năng xã hội” đều “mất đi tính chất chính trị”⁽¹⁰⁾.

TKQĐ với chuyên chính vô sản được C.Mác-Ph.Ăngghen nói đến từ rất sớm. Năm 1847-1848 hai ông đã chỉ rõ: “bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị”, “tăng thật nhanh số lượng những

LLSX” lên “đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu”⁽¹¹⁾. Phải thực hiện một “bước chuyển”, hay “thời kỳ quá độ”, trong đó “thiết lập một chế độ nhà nước dân chủ” của vô sản⁽¹²⁾. Năm 1850 C.Mác nói đến “*chuyên chính giai cấp*” của giai cấp vô sản, thực hiện không phải chỉ những “điểm quá độ” này hay khác, mà cả một “giai đoạn quá độ tất yếu”⁽¹³⁾. Năm 1852 ông viết, chuyên chính vô sản “là bước quá độ” tiến tới *xã hội không có giai cấp*”⁽¹⁴⁾. Trong khi đó, “giai đoạn đầu” của CNCS hoàn toàn không có chuyên chính vô sản.

Trong tác phẩm “Nhà nước và cách mạng”, khi phân kỳ tiến trình lịch sử đi lên CNCS theo tư tưởng của C.Mác, V.I.Lê-nin đặt TKQĐ ngay trước CNXH⁽¹⁵⁾. Tháng 5-1919 khi đề cập tới tư tưởng của Mác về “TKQĐ từ CNTB lên CNCS”, chính V.I.Lê-nin đã viết “TKQĐ từ CNTB lên CNXH”⁽¹⁶⁾, mà không viết “lên CNCS” y nguyên như thời Mác. Đó là vì đến thời ông, cách gọi “giai đoạn đầu” là “CNXH”, “giai đoạn cao” là “CNCS” đã phổ biến. Cho nên khi ông chủ ý nhấn mạnh là “lên CNXH”, thì chỉ là nhằm làm rõ “lên giai đoạn đầu”, tránh hiểu lầm là “lên giai đoạn cao”.

Hồ Chí Minh từng nhắc lại cụm từ “chủ nghĩa xã hội (cộng sản)” ba lần trong một đoạn văn ngắn⁽¹⁷⁾, cũng là với hàm ý như vậy. Trong tư tưởng của Người, điều này có nghĩa là: CNXH cũng là CNCS, nhưng là “giai đoạn đầu”, chứ không phải là “giai đoạn cao”. Đi lên CNCS trước hết sẽ là lên “giai đoạn đầu”, chứ không lên ngay “giai đoạn cao” của CNCS.

Tóm lại, theo C.Mác, trong TKQĐ vẫn tồn tại cả nhà nước (chuyên chính vô sản) và tư hữu đan xen với công hữu (điều này được Đảng ta nhiều lần nêu rõ). Nhưng đến “giai đoạn đầu” (CNXH), thì chỉ còn “nhà nước (nửa tư sản)”⁽¹⁸⁾ không có tính chất chính trị, tư hữu đã bị xóa bỏ, công hữu đã được xác lập hoàn toàn. Nếu coi một xã hội thực tế đã là CNXH, mà lại vẫn chỉ là TKQĐ, thì phải kéo dài việc thực hiện, duy trì tư hữu và nhà nước chuyên chính vô sản, không kịp thời tiến lên thực hiện công hữu và “nhà nước phi chính trị”. Như vậy tức là trì hoãn việc đi lên CNXH, tạo ra điều kiện, khả năng phục hồi, quay lại CNTB.

Ngược lại, nếu coi một xã hội thực tế mới đang ở TKQĐ, mà lại đã là CNXH rồi, thì phải xóa bỏ ngay toàn bộ tư hữu để thiết lập và duy trì phổ biến, lâu dài công hữu; hạ thấp, từ bỏ chuyên chính vô sản để thực hiện ngay □nhà nước phi chính trị □ Quan niệm này tạo nên cơ sở nhận thức, lý luận cho đường lối, chính sách thực tiễn sai lầm như thời trước Đổi mới.

Ở Liên Xô trước đây, đường lối □tả□khuynh, không phù hợp với thực tế và ngày càng trở nên giả tạo này, đã dẫn đến mất đối lập hữu khuynh. Sở hữu nhà nước XHCN bị biến dạng, biến chất thành tư hữu của một số cá nhân, nhóm quan chức suy thoái, thoái hóa trong hệ thống Đảng - Nhà nước. Khi cơ sở kinh tế - kỹ thuật còn thấp hơn CNTB, và nhất là trong điều kiện hòa bình không bắt buộc phải sử dụng các biện pháp quân sự - thời chiến khẩn cấp, quyết liệt, thì việc công hữu hóa kéo dài và vượt trước trình độ xã hội hóa thực tế của lực lượng sản xuất, khó tránh khỏi dẫn tới hậu quả tiêu cực. Ở khu vực có trình độ kinh tế - kỹ thuật còn thấp mà công hữu hóa quá sớm, thì sản xuất mất dần động lực phát triển. Bản thân công hữu được áp đặt chủ quan, duy ý chí cũng bị biến dạng, tư hữu hóa theo các hình thái khác nhau.

Thời kỳ quá độ gián tiếp

TKQĐ từ nước đã bước vào giai đoạn quá độ của CNTB, sẽ là *trực tiếp* đi lên CNXH. Nhưng có cả TKQĐ từ nước chậm tiến, kể cả là tiền TBCN, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN *nửa trực tiếp* lên CNXH; hoặc bỏ qua chế độ TBCN *gián tiếp* lên CNXH. Do điểm xuất phát khác nhau, nên các kiểu TKQĐ này cũng khác nhau đáng kể về nội dung, nhiệm vụ, bước đi, lộ trình cụ thể. Song chúng đều có cùng một mục tiêu là đi lên CNXH (□giai đoạn đầu□), chứ không phải □giai đoạn cao□ của CNCS. Vấn đề đặt ra ở đây là: □Khi nào thì TKQĐ đi lên CNXH sẽ là trực tiếp, nửa trực tiếp, hay gián tiếp?□ chứ không phải là: □TKQĐ thì đi lên CNXH, hay đi lên CNCS?□

Ngay từ năm 1846 Mác chỉ rõ, do sự cạnh tranh của nước công nghiệp phát triển cao, nước công nghiệp kém phát triển sớm thực hiện cuộc cách mạng chính trị⁽¹⁹⁾. Về sau Mác và Ăng-ghe-n

cho rằng, nước Nga Sa hoàng và các nước tiền TBCN nói chung đều có thể bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN, quá độ nửa trực tiếp lên CNXH. Nhưng các nước này cần được giúp đỡ bởi nước phương Tây tiên tiến đi trước, đã bước vào TKQĐ trực tiếp⁽²⁰⁾.

Trong thời đại mình, Lê-nin phát triển tư tưởng của Mác-Ăng-ghe-n, luận giải việc một nước lạc hậu duy nhất, riêng biệt có thể bỏ qua chế độ TBCN, quá độ gián tiếp lên CNXH. Ông cũng bắt tay thực hiện điều này lần đầu tiên ở nước Nga Xô - viết sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917.

So sánh về kinh tế với CNTB, TKQĐ trực tiếp cao hơn, nhưng TKQĐ gián tiếp thì thấp hơn. Kinh tế TBCN bị loại bỏ dần trong TKQĐ trực tiếp, nhưng được sử dụng trong TKQĐ gián tiếp. Kinh tế nhà nước XHCN đã rất lớn mạnh trong TKQĐ trực tiếp, nhưng có quy mô còn hạn chế trong TKQĐ gián tiếp. TKQĐ gián tiếp có nội dung, nhiệm vụ trước tiên phải phát triển kinh tế lạc hậu lên bằng các giai đoạn phát triển, quá độ của CNTB. Từ đó tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của TKQĐ trực tiếp.

CNTB bước vào giai đoạn phát triển đầu thế kỷ XVIII, chuyển sang giai đoạn quá độ cuối thế kỷ XIX⁽²¹⁾. Tham chiếu các tiền lệ lịch sử, căn cứ vào thực tế tăng trưởng kinh tế của CNTB ngày nay, có thể dự đoán giai đoạn quá độ của nó vẫn sẽ tiếp diễn. Như vậy, TKQĐ gián tiếp sẽ có độ dài còn lớn hơn, ngay cả khi chưa tính đến khả năng nó có thể còn phải □làm lại nhiều lần□. V.I.Lê-nin đã từng nói: may ra thế hệ con cháu, thậm chí cháu chắt chúng ta mới được nhìn thấy CNXH. Trong tư tưởng của ông, 3-4 thế hệ tức khoảng 100 năm, thực ra chỉ có nghĩa tượng trưng cho một TKQĐ gián tiếp chưa có tiền lệ. Nó chắc chắn sẽ rất khó khăn lâu dài, mà phải kinh qua đó công - nông Nga Xô-viết mới có thể đi tới được CNXH.

TKQĐ trực tiếp dù cao hơn CNTB về kinh tế, nhưng vẫn chưa phải là CNXH. TKQĐ gián tiếp thấp hơn CNTB về kinh tế, thì càng không phải là CNXH. Có thể có TKQĐ gián tiếp thấp hơn CNTB về kinh tế, nhưng không thể có □CNXH gián tiếp□ mà lại cũng như vậy được. Bởi vì điều

đó là phản tiến bộ, phản phát triển, không thể quan niệm nổi. Nó hoàn toàn trái ngược với tinh thần cơ bản của lý luận duy vật biện chứng Mác-Lênin về sự vận động của lịch sử xã hội.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa

Ở Liên Xô trước đây

Sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, V.I.Lênin lãnh đạo nước Nga thực hiện TKQĐ gián tiếp lên CNXH. Ông phân biệt rõ TKQĐ với CNXH, TKQĐ gián tiếp với TKQĐ trực tiếp. Về kinh tế, TKQĐ gián tiếp thấp hơn CNTB, nhưng TKQĐ trực tiếp thì đã cao hơn CNTB. Ông nhấn mạnh: nói Cộng hòa Xô - viết XHCN, không phải là đã có kinh tế XHCN, mà chỉ thể hiện quyết tâm chuyển lên CNXH⁽²²⁾. Tuy nhiên, sau V.I.Lênin, Đảng Cộng sản Liên Xô coi đất nước đã kết thúc TKQĐ, bước vào CNXH, rồi "giai đoạn hoàn thành việc xây dựng xã hội XHCN và quá độ từ CNXH lên CNCS"⁽²³⁾.

Cần ghi nhận rằng, chính giới và giới lý luận Xô - viết nhìn chung đã phân biệt TKQĐ với CNXH, coi TKQĐ là tiến trình xây dựng cơ sở, nền tảng cho CNXH, mà không phải là chính CNXH. Khi nói [xây dựng CNXH] thì chỉ có nghĩa là đang ở TKQĐ để xây dựng cơ sở của CNXH, chứ không phải là đã bước vào CNXH rồi. Hoặc khi nói [CNXH đã thắng lợi, đã được xây dựng thành công] thì cũng chỉ có nghĩa là đã xây dựng xong cơ sở của CNXH, kết thúc TKQĐ, chính thức bước vào CNXH, chứ không phải kết thúc [giai đoạn đầu] và chuyển lên [giai đoạn cao] của CNCS. Từ lúc này trở đi, trên nền móng đã đặt vững chắc, bắt đầu thực hiện quá trình xây dựng bản thân tòa lâu đài CNXH, hay quá trình [phát triển CNXH]. Xã hội trong quá trình này thường được gọi là [CNXH phát triển], thuộc về CNXH nói chung, tức là vẫn nằm trong [giai đoạn đầu], chứ chưa phải đã chuyển sang [giai đoạn cao] của CNCS.

Ngoài ra, một số trình độ, giai đoạn của CNXH cũng được nêu lên như: CNXH phát triển, hoàn thành xây dựng CNXH, quá độ lên CNCS, hoàn thiện CNXH phát triển. Trong đó, nhất quán coi Liên Xô chưa xây dựng xong hoàn toàn CNXH,

tức kết thúc [giai đoạn đầu] và đi lên [giai đoạn cao] của CNCS. Tuy nhiên, khi đối chiếu lý luận với thực tiễn, vì nền kinh tế rõ ràng còn thấp hơn CNTB phương Tây và theo đúng tư tưởng Mác-Lênin, thì xã hội Liên Xô hiển nhiên chưa phải là CNXH, thậm chí cũng chưa bước vào TKQĐ trực tiếp. Do vậy lý luận về những trình độ, giai đoạn được nêu trên của CNXH, đều là chủ quan không tương sai lầm, không phản ánh đúng hiện thực xã hội.

Từ đây kéo theo nhiều bất cập, hạn chế, sai lầm lớn trong thực tiễn: Vội vã xóa bỏ tư hữu, áp đặt công hữu. Đồng nhất nhà nước hóa về mặt hành chính-pháp luật phi kinh tế với xã hội hóa kinh tế - kỹ thuật mang tính tất yếu, cơ bản, bền vững (trừ một số trường hợp khẩn cấp, bắt buộc trong điều kiện chiến tranh). Không kịp thời đổi mới, hiện đại hóa, cập nhật hóa những tiêu chí về trình độ kinh tế bước vào TKQĐ. Dẫn đến chỗ quá dễ dàng giản đơn hạ thấp chúng so với CNTB, rơi vào các kiểu CNXH không luận, hoặc đại tư bản, tiểu tư sản, thậm chí phong kiến lạc hậu phản động mà C.Mác-Ph.Ăngghen từng phê phán sâu sắc. Không thấy tình trạng cô lập dẫn đến hệ tiêu chí phát triển riêng biệt, không phải là bất biến. Nhất là khi phương Tây ngay trong chiến tranh lạnh đã vừa dựng [bức màn sắt] bao vây phong tỏa cấm vận, vừa ra sức xâm nhập thâm thấu công phá phe XHCN. Bỏ qua thực tế phát triển kinh tế mạnh mẽ của CNTB, nên thước đo về mục tiêu, con đường lên CNXH trở nên thiếu thuyết phục và kém sức sống. Không thấy một nước lạc hậu được một nước mới ở TKQĐ gián tiếp giúp đỡ, thì cũng chỉ ở TKQĐ gián tiếp với trình độ còn thấp hơn.

Đến cuối những năm 1930, Liên Xô đã hoàn thành công nghiệp hóa. Nhưng đó chỉ là cách mạng công nghiệp 1.0/cơ khí hóa, ngang với phương Tây khoảng 200 năm trước. Trên thực tế, đến lúc này các nước ấy đã hoàn thành cách mạng công nghiệp 2.0/điện khí hóa, tiến vào cách mạng công nghiệp 3.0/tự động hóa. So với phương Tây, trình độ phát triển kinh tế của Liên Xô còn kém xa. Tổng sản lượng kinh tế và chi phí quốc phòng cũng thấp hơn nhiều. Như vậy, trong toàn bộ lịch sử của mình, kể cả khi ở đỉnh cao hùng cường thịnh

vượng và đạt tới sự cân bằng chiến lược với phương Tây trong lĩnh vực quân sự - quốc phòng về vũ khí nguyên tử, hạt nhân, vũ trụ, thì Liên Xô trên thực tế vẫn chỉ ở TKQĐ gián tiếp.

Ở Việt Nam

Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (10-1930) đã nêu: "nhờ giai cấp vô sản chuyên chính các nước giúp sức cho mà phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường XHCN"⁽²⁴⁾. Theo định hướng này, cho đến năm 1991, TKQĐ ở nước ta được xác định là "bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN" tức là thuộc về loại hình nửa trực tiếp lên CNXH với sự giúp đỡ của Liên Xô và phe XHCN.

Nhưng ngay từ Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930), Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra nhiệm vụ "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"⁽²⁵⁾. Về sau Hồ Chủ tịch nêu rõ: "Có nước thì đi thẳng đến CNXH (cộng sản) như Liên Xô. Có nước thì phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên CNXH (cộng sản) như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam ta, v.v."⁽²⁶⁾, "Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục, tập quán khác, có lịch sử địa lý khác" chúng ta có thể đi con đường khác để tiến lên CNXH"⁽²⁷⁾, "Làm trái với Liên Xô, đó cũng là mác xít"⁽²⁸⁾.

Như vậy, Hồ Chủ tịch đã sớm thấy mục tiêu, con đường của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới là giành độc lập dân tộc, thực hiện TKQĐ lên CNXH. Nhưng đó không phải là TKQĐ trực tiếp như ở Liên Xô, cũng không phải TKQĐ nửa trực tiếp như Quốc tế Cộng sản đề ra cho các nước lạc hậu. Mà đó là TKQĐ gián tiếp theo tư tưởng Mác-Lênin, vận dụng sáng tạo, phù hợp vào điều kiện nước ta.

Từ Đại hội VII của Đảng ta, TKQĐ được xác định đúng đắn là "bỏ qua chế độ TBCN" tức là gián tiếp đi lên CNXH, dựa trên chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua hơn 35 năm Đổi mới, đến nay đường lối của Đảng thực hiện TKQĐ đó ngày càng sáng tỏ, hoàn thiện và đạt nhiều thành tựu to lớn trong thực tiễn.

Công tác lý luận hiện nay cần tiếp tục, kịp thời

làm sáng tỏ các vấn đề về TKQĐ gián tiếp lên CNXH trong điều kiện Việt Nam và bối cảnh thế giới mới, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào sự nghiệp Đổi mới lớn lao nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng./.

** Bài viết này bổ sung, phát triển thêm nội dung vấn đề về định vị TKQĐ lên CNXH trong bài của đồng tác giả PGS, TS Lương Khắc Hiếu □ PGS, TS Phạm Văn Chúc, đã đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị số 540 (2/2023). Trong bài đó, đoạn văn gồm 2 câu sau đây ở trang 44, trong khổ thứ hai từ trên xuống, là của Biên tập: □Trong tác phẩm Phê phán Cương lĩnh Gô-ta (năm 1875), ông đề cập tới TKQĐ này với tư cách là □giai đoạn đầu□ của xã hội CSCN, tức là CNXH. Ông sử dụng các thuật ngữ □thời kỳ quá độ□ với □các giai đoạn đầu□ (1) và cao hơn, nghĩa là trong TKQĐ cũng có các giai đoạn quá độ khác nhau□*

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, T.19, Nxb. CTQG ST, H., tr.33 - 47.

(8) V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, T.33, Nxb Tiền bộ, M., tr.116 - 117.

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, T.4, Sđd., tr.628.

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, T.18, Sđd., tr.421-422.

(11) C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, T.4, Sđd., tr.626 - 627, 469.

(12) C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, T.42, Sđd., tr.520 - 521.

(13) C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, T.7, Sđd., tr.126.

(14) C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, T.28, Sđd., tr.662.

(15) V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, T.33, Sđd., tr.102-126, 210 - 227.

(16) V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, T.38, Sđd., tr.464.

(17) Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, T.7, Nxb. CTQG, H., tr.247.

(18) V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, T.33, Sđd., tr.225

(19) C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, T.3, Sđd., tr.107.

(20) C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, T.19, Sđd., tr.434; T.22, tr.632.

(21) V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, T.27, Sđd., tr.409, 435, 488 - 489.

(22) V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, T.36, Sđd., tr.362.

(23) *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô (1960)*, Nxb. Sự thật, H., tr.697.

(24) Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, T.2, Nxb. CTQG, H., tr.94.

(25) Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, T.2, Sđd., tr.2.

(26) Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, T.7, Sđd., tr.247.

(27) Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, T.8, Sđd., tr.227.

(28) Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, T.5, Nxb. CTQG, H., tr.538 - 539.